

Số: *M8* /2019/CMC-VPHDQT

V/v: Giải trình biến động BCTC Công ty Mẹ
từ 01/04/2018 đến 31/03/2019

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2019

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh**

Trước hết Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh và xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của các Quý Cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ theo Điều 10 Khoản 3.2. Thông tư 52/2012/TT- CBTT Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán “...*Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong báo cáo tài chính quý đó...*”, Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin giải trình về việc biến động Báo cáo Tài chính Tổng hợp năm 2018 (kỳ kế toán từ 01/04/2018 đến 31/03/2019) như sau:

Lợi nhuận trên BCTC Tổng hợp riêng cho Công ty Mẹ năm 2018 giảm so với năm 2017 do một số các lý do sau:

- Chi phí Marketing truyền thông doanh nghiệp tăng so với năm trước.
- Chi phí tài chính phát sinh từ chi phí lãi vay tăng so với năm trước
- Thời điểm ghi nhận cổ tức được chia từ các đơn vị cổ phần và liên kết giữa các kỳ kế toán trên báo cáo tài chính công ty mẹ (thực tế lợi nhuận của các công ty thành viên vẫn tăng trưởng)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin trân trọng giải trình.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT
- Đính kèm BCTC Tổng hợp từ 01/04/2018 đến 31/03/2019

Người thực hiện công bố thông tin



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
Bé Thanh Sơn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 41

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 18 tháng 10 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- Các hoạt động viễn thông; và
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 phố Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch	
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên	
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên	
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên	
Ông Lê Việt Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng ban	Thành viên Ban Kiểm soát. Bổ nhiệm là Trưởng ban ngày 6 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 6 tháng 8 năm 2018
Ông Trương Thanh Phúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

1/5
K
H

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 đề ngày 17 tháng 6 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Trung Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 6 năm 2019

Số tham chiếu 61376291/20160708

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty"), được lập ngày 17 tháng 6 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Vấn đề cần nhấn mạnh


Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 17 tháng 6 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 17 tháng 6 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		522.041.916.822	204.882.561.375
110	I. Tiền	4	300.722.408.901	1.494.635.604
111	1. Tiền		300.722.408.901	1.494.635.604
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	41.000.000.000	65.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		41.000.000.000	65.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		179.615.749.413	135.989.582.089
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	14.258.509.258	15.904.749.307
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.187.234.351	1.691.987.445
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.170.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	173.567.204.202	129.960.043.735
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.2	(11.567.198.398)	(11.567.198.398)
140	IV. Hàng tồn kho		-	31.753.808
141	1. Hàng tồn kho		-	31.753.808
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		703.758.508	2.366.589.874
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		394.760.104	610.568.495
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		273.026.361	1.735.709.156
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		35.972.043	20.312.223
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		855.845.110.766	788.327.118.684
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.000.000.000	29.426.945.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.000.000.000	29.426.945.000
220	II. Tài sản cố định		247.216.209.700	267.564.674.778
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	240.533.852.816	258.650.982.252
222	Nguyên giá		378.467.725.498	377.574.118.998
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(137.933.872.682)	(118.923.136.746)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.682.356.884	8.913.692.526
228	Nguyên giá		21.316.266.204	20.837.488.023
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.633.909.320)	(11.923.795.497)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	12	81.927.199.279	38.462.685.438
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		81.927.199.279	38.462.685.438
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	511.801.048.066	442.137.909.243
251	1. Đầu tư vào công ty con		536.196.014.767	498.897.033.010
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.258.356.000	7.258.356.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(40.033.322.701)	(64.017.479.767)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.380.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		9.900.653.721	10.734.904.225
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	9.900.653.721	10.734.904.225
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.377.887.027.588	993.209.680.059

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		495.654.915.991	153.966.602.593
310	I. Nợ ngắn hạn		139.321.734.612	128.008.484.973
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	11.973.359.186	9.879.960.059
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		288.000.000	668.127.240
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.564.052.477	119.395.915
314	4. Phải trả người lao động		5.036.240.152	4.332.277.069
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	14.517.083.262	10.598.516.044
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	7.047.133.893	7.262.673.801
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	16.373.965.337	7.115.009.433
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	72.266.071.104	77.677.002.822
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	10.255.829.201	10.355.522.590
330	II. Nợ dài hạn		356.333.181.379	25.958.117.620
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	8.714.787.107	11.304.006.023
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	326.674.883.982	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	1.589.251.625	1.647.247.965
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	22	19.354.258.665	13.006.863.632
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		882.232.111.597	839.243.077.466
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	882.232.111.597	839.243.077.466
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		720.552.100.000	673.419.530.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		720.552.100.000	673.419.530.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		34.444.340.400	34.444.340.400
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		127.235.671.197	131.379.207.066
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		30.373.074.666	9.116.692.850
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		96.862.596.531	122.262.514.216
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.377.887.027.588	993.209.680.059

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn

Tổng Giám đốc
Nguyễn Trung Chính

Ngày 17 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	140.949.081.591	153.504.372.757
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	25.1	140.949.081.591	153.504.372.757
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	85.201.169.392	108.579.294.679
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		55.747.912.199	44.925.078.078
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	107.431.506.674	114.212.096.667
22	7. Chi phí tài chính	27	(18.284.040.044)	(22.081.799.069)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.685.738.874	2.954.243.684
25	8. Chi phí bán hàng		540.179.563	724.882.310
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	63.024.408.835	42.586.043.332
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		117.898.870.519	137.908.048.172
31	11. Thu nhập khác		1.044.320.544	1.293.924.632
32	12. Chi phí khác		365.568.820	176.478.419
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		678.751.724	1.117.446.213
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		118.577.622.243	139.025.494.385
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	1.424.392.870	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.2	(57.996.340)	(57.996.340)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		117.211.225.713	139.083.490.725

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn

Tổng Giám đốc
Nguyễn Trung Chính

Ngày 17 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		118.577.622.243	139.025.494.385
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	21.734.125.361 (23.984.157.066)	20.694.404.334 (22.684.658.373)
03	Các khoản hoàn nhập dự phòng			
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.675.092 (107.431.506.674)	112.168.553 (112.642.397.099)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	27	5.685.738.874	2.954.243.684
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.590.497.830	27.459.255.484
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		3.055.847.046	(3.916.095.221)
10	Giảm hàng tồn kho		31.753.808	25.896.192
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		14.282.770.081	7.210.849.846
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.350.283.293	(736.027.419)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.610.778.042)	(2.912.215.266)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.100.927.538)	(5.063.156.378)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.599.446.478	22.068.507.238
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(51.148.398.522)	(50.488.429.854)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.493.127.837
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(54.050.000.000)	(62.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		67.500.000.000	57.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(26.998.876.250)	(62.901.123.750)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	340.597.333
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		82.667.835.279	76.784.181.812
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		17.970.560.507	(39.771.646.622)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, tái phát hành cổ phiếu quỹ, nhận vốn góp chủ sở hữu		-	26.389.088.400
33	Tiền thu từ đi vay		564.304.846.790	282.504.476.979
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(243.040.894.526)	(224.813.909.790)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(53.611.896.610)	(65.930.522.710)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		267.652.055.654	18.149.132.879
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		299.222.062.639	445.993.495
60	Tiền đầu năm		1.494.635.604	1.048.642.109
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.710.658	-
70	Tiền cuối năm	4	300.722.408.901	1.494.635.604



Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương



Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Tổng Giám đốc
Nguyễn Trung Chính

Ngày 17 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 18 tháng 10 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- Các hoạt động viễn thông; và
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 84 (ngày 31 tháng 3 năm 2018: 83).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty có 12 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (tên trước đây là Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC)	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an ninh an ninh thông tin	99,94%	99,94%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Hà Nội	Phân phối các sản phẩm CNTT	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France (*)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực CNTT	100%	100%
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (tên trước đây là Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn) (**)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC (tên trước đây là Công ty TNHH Máy tính CMS)	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phân phối máy tính	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (**)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	51%	51%

(*) Công ty TNHH CMC Blue France đã tạm dừng hoạt động.

(**) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC và Công ty TNHH CMC Global.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 vào ngày 17 tháng 6 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là các công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

181
CC
ST
TẾ
II
HÀ
KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	39 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

T H Y N H I N H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.

Tiền cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	416.441.686	572.709.033
Tiền gửi ngân hàng	300.305.967.215	921.926.571
TỔNG CỘNG	300.722.408.901	1.494.635.604

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng, hưởng lãi suất 6,5%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2018: 6,8%/năm).

Công ty đã sử dụng toàn bộ các hợp đồng tiền gửi này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	11.455.959.406	9.797.055.394
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	8.926.802.500	6.125.625.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.529.156.906	3.671.430.394
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.802.549.852	6.107.693.913
TỔNG CỘNG	14.258.509.258	15.904.749.307
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 6.2)	(938.064.932)	(938.064.932)

6.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.567.198.398	8.817.198.398
Dự phòng trích lập trong năm	-	2.750.000.000
Số cuối năm	11.567.198.398	11.567.198.398
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)	938.064.932	938.064.932
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	164.759.188	164.759.188
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)	10.464.374.278	10.464.374.278

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn chủ yếu bao gồm khoản cho vay cá nhân bằng đồng Việt Nam với số tiền là 2 tỷ đồng với kỳ hạn là 12 tháng và hưởng lãi suất 11%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bằng các giải pháp hữu ích, phần mềm mà cá nhân này đã, đang và sẽ được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	126.346.517.386	-	77.031.672.470	-
Các khoản chi hộ	37.727.200.158	(6.250.054.278)	38.685.989.475	(6.250.054.278)
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Tạm ứng cho nhân viên	2.320.351.800	-	3.679.598.300	-
Lãi dự thu	1.756.690.922	-	3.006.544.443	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.916.443.936	(714.320.000)	4.056.239.047	(714.320.000)
TỔNG CỘNG	173.567.204.202	(10.464.374.278)	129.960.043.735	(10.464.374.278)
Dài hạn				
Kỳ quỹ, kỳ cược	5.000.000.000	-	-	-
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	29.426.945.000	-
TỔNG CỘNG	5.000.000.000	-	29.426.945.000	-
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	166.487.135.785	-	119.160.323.023	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba</i>	7.080.068.417	-	10.799.720.712	-
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	-	-	29.426.945.000	-
<i>Phải thu dài hạn khác từ bên thứ ba</i>	5.000.000.000	-	-	-

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH CMC Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geleximco	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	1.817.144.120	-	1.817.144.120	-
TỔNG CỘNG	11.567.198.398	-	11.567.198.398	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	205.829.862.300	161.758.642.522	6.277.280.000	3.708.334.176	377.574.118.998
- Mua trong năm	-	993.606.500	-	213.500.000	1.207.106.500
- Phân loại sang chi phí trả trước	-	-	(313.500.000)	-	(313.500.000)
Số dư cuối năm	205.829.862.300	162.752.249.022	5.963.780.000	3.921.834.176	378.467.725.498
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	12.326.192.270	-	973.458.046	13.299.650.316
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	30.843.811.232	85.754.171.691	104.621.334	2.220.532.489	118.923.136.746
- Khấu hao trong năm	4.541.003.004	13.430.714.854	600.702.134	451.591.546	19.024.011.538
- Phân loại sang chi phí trả trước	-	-	(13.275.602)	-	(13.275.602)
Số dư cuối năm	35.384.814.236	99.184.886.545	692.047.866	2.672.124.035	137.933.872.682
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	174.986.051.068	76.004.470.831	6.172.658.666	1.487.801.687	258.650.982.252
Số dư cuối năm	170.445.048.064	63.567.362.477	5.271.732.134	1.249.710.141	240.533.852.816
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	154.410.109.069	57.617.179.799	-	-	212.027.288.868

Công ty đã sử dụng một phần diện tích của tài sản cố định là Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội làm văn phòng cho các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thứ ba khác thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	195.615.549	20.542.872.474	99.000.000	20.837.488.023
- Mua trong năm	-	412.500.000	66.278.181	478.778.181
Số dư cuối năm	195.615.549	20.955.372.474	165.278.181	21.316.266.204
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	41.671.043	-	41.671.043
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	45.643.626	11.875.151.871	3.000.000	11.923.795.497
- Hao mòn trong năm	39.123.108	2.600.626.471	70.364.244	2.710.113.823
Số dư cuối năm	84.766.734	14.475.778.342	73.364.244	14.633.909.320
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	149.971.923	8.667.720.603	96.000.000	8.913.692.526
Số dư cuối năm	110.848.815	6.479.594.132	91.913.937	6.682.356.884

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án "Không gian sáng tạo CMC" – tòa nhà CMC Sài Gòn (*)	81.927.199.279	37.894.585.438
Dự án khác	-	568.100.000
TỔNG CỘNG	81.927.199.279	38.462.685.438

(*) Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	
Đầu tư vào công ty con	536.196.014.767	(40.033.322.701)	496.162.692.066	498.897.033.010	(64.017.479.767)	434.879.553.243	
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	30.756.000.000	(7.980.680.194)	22.775.319.806	30.756.000.000	(8.106.205.158)	22.649.794.842	
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100.000.000.000	(26.688.106.507)	73.311.893.493	100.000.000.000	(50.546.738.609)	49.453.261.391	
Công ty TNHH CMC Blue France	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	184.544.390.000	-	184.544.390.000	184.544.390.000	-	184.544.390.000	
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	5.000.000.000	-	5.000.000.000	3.101.123.750	-	3.101.123.750	
Công ty TNHH CMC Global	60.000.000.000	-	60.000.000.000	40.000.000.000	-	40.000.000.000	
Công ty Cổ phần Liên doanh Cyber – CMC	10.230.983.260	-	10.230.983.260	5.130.983.260	-	5.130.983.260	
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC (tên trước đây là Công ty TNHH Máy tính CMS) (*)	10.300.105.507	-	10.300.105.507	-	-	-	
Đầu tư vào công ty liên kết	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	-	7.258.356.000	
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	-	7.258.356.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.380.000.000	-	8.380.000.000	-	-	-	
TỔNG CỘNG	551.834.370.767	(40.033.322.701)	511.801.048.066	506.155.389.010	(64.017.479.767)	442.137.909.243	

(*) Đây là công ty con của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC, một công ty con của Công ty, và đã được chuyển nhượng cho Công ty trong năm. Giao dịch chuyển nhượng này đã hoàn thành vào ngày 20 tháng 2 năm 2019 theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2019/HĐCN-CMC ký giữa Công ty và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC. Theo đó, Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC chính thức được chuyển từ công ty con được sở hữu trực tiếp bởi Công ty kể từ thời điểm này.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết do có phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	99,94%	99,94%	99,94%	99,94%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	54,63%	54,63%	54,63%	54,63%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Global	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	100%	100%	100%	100%

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Netnam	41,1%	41,1%	41,1%	41,1%

Công ty Cổ phần Netnam là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty nắm 41,1% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

13.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	8.380.000.000	8.380.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	8.380.000.000	8.380.000.000	-	-

(*) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu (không có tài sản đảm bảo) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn 7 năm với lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 0,8%/năm và đáo hạn vào ngày 19 tháng 12 năm 2025. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán tại thời điểm đáo hạn.

Công ty cũng đã cầm cố khoản đầu tư vào trái phiếu này để đảm bảo cho khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất trả trước	7.777.916.412	8.047.759.383
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	517.317.474	977.592.157
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	556.652.470	965.838.651
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.048.767.365	743.714.034
TỔNG CỘNG	9.900.653.721	10.734.904.225

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán khác	221.608.947	221.608.947	1.302.894.521	1.302.894.521
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	11.751.750.239	11.751.750.239	8.577.065.538	8.577.065.538
TỔNG CỘNG	11.973.359.186	11.973.359.186	9.879.960.059	9.879.960.059

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.1)	(20.312.223)	1.424.392.870	-	1.404.080.647
Thuế thu nhập cá nhân	119.395.915	3.119.633.690	(3.115.029.818)	123.999.787
TỔNG CỘNG	99.083.692	4.544.026.560	(3.115.029.818)	1.528.080.434
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải nộp	119.395.915			1.564.052.477
Thuế và các khoản phải thu	(20.312.223)			(35.972.043)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng, sửa chữa	7.221.293.618	5.998.000.000
Chi phí dịch vụ	3.406.055.517	4.038.499.971
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	3.200.000.000	-
Chi phí thuê đất	251.229.150	247.787.655
Thủ lao HĐQT và BKS	248.100.000	268.200.000
Chi phí khác	190.404.977	46.028.418
TỔNG CỘNG	<u>14.517.083.262</u>	<u>10.598.516.044</u>

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả về nhận chuyển nhượng công ty con (Thuyết minh số 13)	10.300.105.507	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.968.828.278	1.204.753.056
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.203.964.560	942.298.770
Phải trả tiền vay	576.418.154	587.710.554
Kinh phí công đoàn	325.109.114	189.878.320
Các khoản phải trả, phải nộp khác	999.539.724	4.190.368.733
TỔNG CỘNG	<u>16.373.965.337</u>	<u>7.115.009.433</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.714.787.107	11.304.006.023
TỔNG CỘNG	<u>8.714.787.107</u>	<u>11.304.006.023</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>10.876.523.661</i>	<i>587.710.554</i>
<i>Phải trả khác từ bên thứ ba</i>	<i>14.212.228.783</i>	<i>17.831.304.902</i>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Vay thấu chi ngân hàng (i)	46.826.266.933	46.826.266.933	195.138.426.779	(204.405.094.957)	37.559.598.755	37.559.598.755
Vay đối tượng khác (ii)	30.850.735.889	30.850.735.889	26.491.536.029	(22.635.799.569)	34.706.472.349	34.706.472.349
Vay các bên liên quan	-	-	16.000.000.000	(16.000.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	77.677.002.822	77.677.002.822	237.629.962.808	(243.040.894.526)	72.266.071.104	72.266.071.104
Dài hạn						
Vay ngân hàng (iii)	-	-	29.874.883.982	-	29.874.883.982	29.874.883.982
Trái phiếu (iv)	-	-	296.800.000.000	-	296.800.000.000	296.800.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	326.674.883.982	-	326.674.883.982	326.674.883.982

(i) Đây là các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với lãi suất là 6,5%/năm. Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và một phần tài sản có định hữu hình (Thuyết minh số 10) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi này.

(ii) Đây là các khoản vay từ hai cá nhân với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày giải ngân và khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 15 tháng 10 năm 2019. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này từ 6,5%/năm đến 8,4%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.

(iii) Đây là khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank với lãi suất là 8%/năm. Công ty đã sử dụng toàn bộ máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai thuộc Dự án "Không gian sáng tạo CMC" – tòa nhà CMC Sài Gòn làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn này. Gốc và lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần theo kế hoạch trả nợ được Ngân hàng thông báo.

(iv) Đây là khoản trái phiếu được Công ty phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với kỳ hạn là 5 năm và chịu lãi suất cố định là 8,8%/năm áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất thả nổi áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo. Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với Tòa nhà CMC Tower và các quyền sở hữu, lợi ích phát sinh đối với phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC, Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC để đảm bảo cho khoản trái phiếu này. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả toàn bộ tại thời điểm trái phiếu đáo hạn, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	10.355.522.590	5.393.701.356
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 23.1)	8.627.506.611	10.024.977.612
Sử dụng quỹ trong năm	(8.727.200.000)	(5.063.156.378)
Số dư cuối năm	<u>10.255.829.201</u>	<u>10.355.522.590</u>

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	13.006.863.632	6.052.689.096
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 23.1)	11.721.122.571	6.954.174.536
Sử dụng quỹ trong năm	(5.373.727.538)	-
Số dư cuối năm	<u>19.354.258.665</u>	<u>13.006.863.632</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty TNHH Đầu tư MVI	13.942.849	13.942.849	-	13.030.700	13.030.700	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	10.051.147	10.051.147	-	9.393.596	9.393.596	-
Quý PYN Elite	4.396.555	4.396.555	-	4.053.810	4.053.810	-
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	3.970.584	3.970.584	-	8.151.210	8.151.210	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.629.440	3.629.440	-	3.392.000	3.392.000	-
Tập đoàn Bảo Việt	3.629.440	3.629.440	-	3.392.000	3.392.000	-
Các cổ đông khác	32.435.195	32.435.195	-	25.928.637	25.928.637	-
TỔNG CỘNG	72.055.210	72.055.210	-	67.341.953	67.341.953	-

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	673.419.530.000	673.419.530.000
Tăng trong năm	47.132.570.000	-
Số cuối năm	720.552.100.000	673.419.530.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	101.006.132.400	66.242.694.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	100.744.466.610	65.930.522.710

23.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	72.055.210	67.341.953
Cổ phiếu phổ thông	72.055.210	67.341.953
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	72.055.210	67.341.953
Cổ phiếu phổ thông	72.055.210	67.341.953

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	10.253	25.537

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	140.949.081.591	153.504.372.757
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	104.664.569.295	96.228.306.867
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	36.284.512.296	33.404.031.607
Doanh thu bán hàng hóa	-	23.872.034.283
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	140.949.081.591	153.504.372.757
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	94.317.341.198	108.806.477.592
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	46.631.740.393	44.697.895.165

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.352.094.580	4.638.591.986
Cổ tức và lợi nhuận được chia	104.079.412.094	109.571.410.947
Khác	-	2.093.734
TỔNG CỘNG	107.431.506.674	114.212.096.667

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	48.916.657.096	51.303.228.789
Giá vốn cung cấp dịch vụ	36.284.512.296	33.404.031.607
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	23.872.034.283
TỔNG CỘNG	85.201.169.392	108.579.294.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.685.738.874	2.954.243.684
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.378.148	112.168.553
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(23.984.157.066)	(25.434.658.373)
Chi phí tài chính khác	-	286.447.067
TỔNG CỘNG	(18.284.040.044)	(22.081.799.069)

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	28.258.261.276	23.980.142.135
Chi phí vật liệu	359.150.925	384.763.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.581.091.196	4.472.006.794
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	2.750.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.123.221.726	3.203.540.006
Các chi phí khác	8.702.683.712	7.795.591.229
TỔNG CỘNG	63.024.408.835	42.586.043.332

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	658.097.289	612.996.006
Chi phí nhân công	28.258.261.276	23.980.142.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.677.638.006	55.732.995.278
Chi phí khấu hao và hao mòn	21.734.125.361	20.694.404.334
Chi phí khác	23.437.635.858	26.997.648.285
TỔNG CỘNG	148.765.757.790	128.018.186.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	118.577.622.243	139.025.494.385
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ	-	4.968.093.425
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	580.500.000	814.800.000
Các khoản điều chỉnh khác	289.981.704	289.981.704
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(104.079.412.094)	(109.571.410.947)
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành	15.368.691.853	35.526.958.567
Lỗi các năm trước chuyển sang	(8.246.727.503)	(35.526.958.567)
Thu nhập tính thuế sau cân trừ lỗ năm trước	7.121.964.350	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	1.424.392.870	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(20.312.223)	(20.312.223)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả/(trả trước) cuối năm	1.404.080.647	(20.312.223)

30.2 Thuế thu nhập hoãn lại

	Đơn vị tính: VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.589.251.625	1.647.247.965		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng			57.996.340	57.996.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.225.071.780	6.159.651.187
		Mua dịch vụ	29.602.012.439	57.152.728.858
		Lợi nhuận được chia	59.802.551.894	49.770.862.447
		Góp vốn	-	10.000.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.634.625.400	6.201.873.870
		Mua dịch vụ	2.374.790.800	1.265.492.440
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.114.442.385	27.827.293.536
		Mua dịch vụ	69.829.282	1.230.728.983
		Cổ tức được chia	31.781.100.000	47.727.284.112
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.051.808.050	1.061.722.859
		Nhận chuyển nhượng công ty con	10.300.105.507	-
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.280.781.895	1.308.639.468
		Mua dịch vụ	7.191.850.000	-
		Góp vốn	-	10.000.000.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	523.078.274	2.138.714.245
		Mua dịch vụ	45.194.364	-
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Góp vốn	1.898.876.250	2.901.123.750
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.801.932.609	-
		Góp vốn	20.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	8.145.760.200	6.973.264.500
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Cổ tức được chia	4.350.000.000	5.100.000.000
		Góp vốn	5.100.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	Cổ đồng lớn	Chi phí thuê nhân sự	-	3.686.671.393

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi 6.250.054.278 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 3 năm 2018: 6.250.054.278 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.129.337.440	475.613.721
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.011.535.683	733.378.795
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	501.140.170	2.160.999.657
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	126.601.765	-
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	31.235.721	21.535.734
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	2.699.073	145.967.430
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	2.569.126.076
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	1.072.500
TỔNG CỘNG			2.802.549.852	6.107.693.913
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	-	495.000.000
TỔNG CỘNG			-	495.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	68.054.607.363 5.468.934.565	49.770.862.447 5.616.439.822
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	22.160.810.023 13.312.088.500	22.160.810.023 13.600.411.453
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	31.781.100.000 11.056.595	- 758.432.848
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu chi hộ	6.696.222.869	8.149.962.710
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	Phải thu chi hộ	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty Cổ phần liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	4.350.000.000 14.930.308	5.100.000.000 169.694.550
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Phải thu chi hộ	1.316.844.855	749.465.703
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu chi hộ	1.569.356.592	3.236.995.169
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu chi hộ	3.087.711.596	154.532.942
Các cá nhân liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải thu khác	2.413.418.241	3.442.661.078
TỔNG CỘNG			166.487.135.785	119.160.323.023
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	29.426.945.000
TỔNG CỘNG			-	29.426.945.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	11.320.167.832	8.454.882.333
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	431.582.407	122.183.205
TỔNG CỘNG			11.751.750.239	8.577.065.538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Phải trả về chuyển nhượng công ty con	10.300.105.507	-
Các cá nhân liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải trả khác	576.418.154	587.710.554
TỔNG CỘNG			10.876.523.661	587.710.554

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	4.332.000.000	3.781.000.000
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	989.300.000	1.072.800.000
TỔNG CỘNG	5.321.300.000	4.853.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	104.664.569.295	36.284.512.296	140.949.081.591
Tổng doanh thu	104.664.569.295	36.284.512.296	140.949.081.591
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	55.747.912.199	-	55.747.912.199
Chi phí bán hàng	(540.179.563)	-	(540.179.563)
Thu nhập, chi phí không phân bổ			63.369.889.607
Lợi nhuận thuần trước thuế			118.577.622.243
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(1.424.392.870)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			57.996.340
Lợi nhuận thuần sau thuế			117.211.225.713
Tài sản và công nợ			
<i>Tài sản bộ phận</i>	210.332.789.945	9.123.402.535	219.456.192.480
<i>Tài sản không phân bổ</i>			1.158.430.835.108
Tổng tài sản			1.377.887.027.588
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	7.047.133.893	12.039.750.239	19.086.884.132
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>			476.568.031.859
Tổng nợ phải trả			495.654.915.991
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	96.228.306.867	57.276.065.890	153.504.372.757
Tổng doanh thu	96.228.306.867	57.276.065.890	153.504.372.757
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	44.925.078.078	-	44.925.078.078
Chi phí bán hàng	(724.882.310)	-	(724.882.310)
Thu nhập, chi phí không phân bổ			93.375.533.997
Lợi nhuận thuần trước thuế			139.025.494.385
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			57.996.340
Lợi nhuận thuần sau thuế			139.083.490.725
Tài sản và công nợ			
<i>Tài sản bộ phận</i>	213.291.146.119	9.323.032.368	222.614.178.487
<i>Tài sản không phân bổ</i>			770.595.501.572
Tổng tài sản			993.209.680.059
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	7.262.673.801	9.245.192.778	16.507.866.579
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>			137.458.736.014
Tổng nợ phải trả			153.966.602.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	51.937.618.167	59.654.207.300
Từ 1 năm – 5 năm	33.468.412.601	82.448.999.755
TỔNG CỘNG	85.406.030.768	142.103.207.055

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.052.595.000	1.052.595.000
Từ 1 năm – 5 năm	4.210.380.000	4.210.380.000
Trên 5 năm	33.283.700.230	34.336.295.230
TỔNG CỘNG	38.546.675.230	39.599.270.230

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương


Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn


Tổng Giám đốc
Nguyễn Trung Chính

Ngày 17 tháng 6 năm 2019

